



ĐÁNH GIÁ ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC CHỦNG NGỪA VACCINE PHÒNG BỆNH ORT TRÊN GÀ ĐẼ ISA BROWN

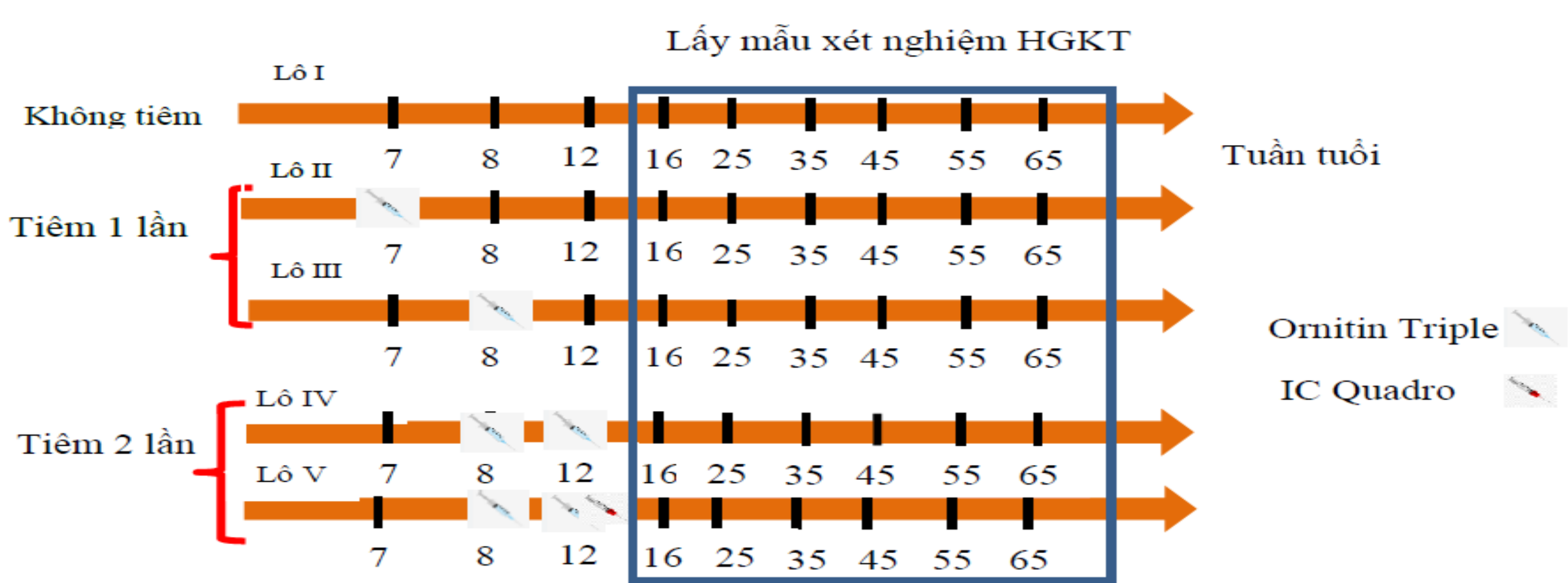
Ngô Thị Minh Nguyệt*, Nguyễn Thị Kiều Oanh, Lê Thị Kim Tuyến, Nguyễn Mạnh Hồ và Quách Tuyết Anh
Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường Đại học Nông Lâm, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh hô hấp phức hợp trên gia cầm do vi khuẩn *Ornithobacterium Rhinotracheale* (ORT) gây ra, làm thiệt hại kinh tế nặng nề cho các nhà chăn nuôi gia cầm [1][3]. Bệnh diễn tiến nhanh và vi khuẩn ORT đã đề kháng từ 80% đến 100% với hầu hết tất cả các kháng sinh thường dùng [3]. Hiện nay ở nước ta chỉ có một loại vaccine phòng bệnh ORT duy nhất trên thị trường là Ornitin Triple. Tuy nhiên, vaccine này thường gây ra các phản ứng miễn dịch mạnh mẽ [1]. Việc sử dụng vaccine ORT trên đối tượng gà Ác, Nòi và Tre lại tạo ra hiệu giá kháng thể cao và đồng đều, kết quả năng suất cuối giai đoạn nuôi tốt, không khác biệt so với đối chứng [2]. Do đó, mục đích của nghiên cứu này nhằm xác định thời điểm, số lần tiêm phù hợp và đánh giá ảnh hưởng của việc chủng ngừa vaccine Ornitin Triple trên gà đẻ Isa Brown để có thêm cơ sở đưa ra lịch chủng ngừa hiệu quả

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP



Hình 1. Bố trí thí nghiệm

Vaccine Ornitin Triple với liều lượng 0.25 mL/con tiêm cơ cánh phải; vaccine IC Quadro với liều lượng 0.3 mL/con tiêm cơ cánh trái.

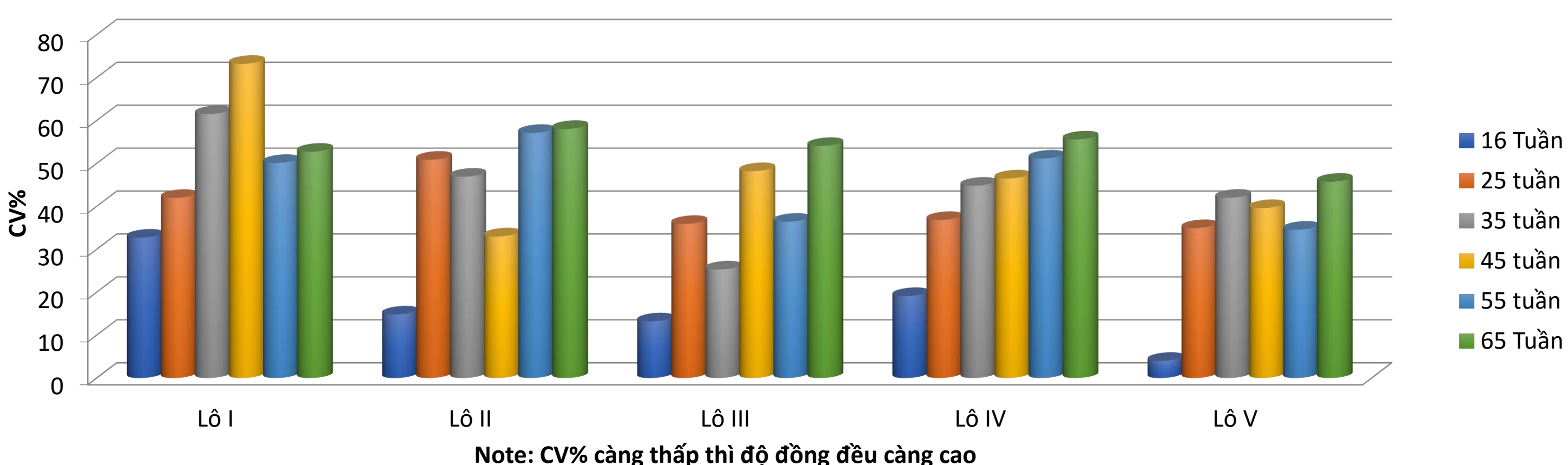
III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Hiệu giá kháng thể chống lại bệnh ORT

Bảng 1. Hiệu giá kháng thể giữa các lô

Tuần tuổi	Lô I	Lô II	Lô III	Lô IV	Lô V	P
16	1736 ^c	18078 ^b	29018 ^a	28199 ^a	31646 ^a	0.000
25	2499 ^b	12760 ^a	12993 ^a	15622 ^a	18579 ^a	0.000
35	2620 ^c	18590 ^{ab}	13833 ^b	19254 ^{ab}	25135 ^a	0.000
45	3596 ^b	24709 ^a	15432 ^a	17333 ^a	22423 ^a	0.000
55	4063 ^b	16512 ^a	14381 ^a	13714 ^a	19148 ^a	0.000
65	5684 ^b	13105 ^{ab}	14880 ^{ab}	15891 ^a	17931 ^a	0.007

Độ đồng đều hiệu giá kháng thể qua CV%



Biểu đồ 1. Độ đồng đều của hiệu giá kháng thể

Hiệu giá kháng thể của lô đối chứng cho kết quả dương tính với ORT => Có mầm bệnh trong trại. Tuy nhiên áp lực mầm bệnh không cao => HGKT tiêm 1 lần và 2 lần không khác biệt
Lô tiêm vaccine có độ đồng đều HGKT hơn lô đối chứng

2. Năng suất sinh trưởng giai đoạn 7 đến 19 tuần tuổi

Bảng 2. Khối lượng bình quân và Tiêu thụ thức ăn hàng ngày

Tuần tuổi	Khối lượng Bình Quân						Tiêu thụ thức ăn hàng ngày					
	Lô I	Lô II	Lô III	Lô IV	Lô V	P	Lô I	Lô II	Lô III	Lô IV	Lô V	P
7	583,04	587,14	584,91	578,05	585,45	0,954						
8	671,61	649,21	659,92	661,07	675,35	0,390	35,95	33,48	35,43	36,55	36,33	0,306
9	765,54 ^a	710,14 ^b	730,35 ^{ab}	730,21 ^{ab}	747,67 ^{ab}	0,022	47,05	42,58	44,48	44,74	44,40	0,432
10	851,56	823,47	802,55	814,42	825,98	0,079	55,37 ^a	54,44 ^a	48,59 ^c	54,12 ^{ab}	49,40 ^{bc}	0,023
11	935,65	918,23	885,37	911,23	915,24	0,086	65,03	63,85	59,20	61,98	64,69	0,170
12	1029,86	1004,88	987,15	991,96	1007,83	0,162	67,10	64,44	68,77	67,61	70,25	0,528
13	1140,20 ^a	1088,87 ^{ab}	1092,46 ^{ab}	1083,44 ^{ab}	1037,05 ^b	0,002	75,59 ^a	67,65 ^{ab}	71,89 ^a	69,16 ^{ab}	60,74 ^b	0,007
14	1235,71 ^a	1193,45 ^a	1190,91 ^a	1176,85 ^{ab}	1111,80 ^b	0,002	79,43	75,60	76,07	77,81	70,91	0,219
15	1288,55	1245,72	1251,48	1238,17	1205,70	0,142	74,60 ^{ab}	67,54 ^b	80,66 ^a	73,60 ^{ab}	76,40 ^{ab}	0,022
16	1380,59 ^a	1334,04 ^{ab}	1344,93 ^{ab}	1335,31 ^{ab}	1289,24 ^b	0,031	88,24	82,24	87,90	88,64	85,73	0,060
17	1446,25	1390,47	1421,25	1423,38	1384,99	0,114	80,71 ^{ab}	76,20 ^b	81,78 ^{ab}	83,97 ^a	87,15 ^a	0,002
18	1501,04	1450,57	1459,37	1474,61	1446,19	0,354	71,41	68,93	68,49	70,08	71,89	0,319
19	1576,40	1545,60	1534,07	1538,20	1569,52	0,519	77,21	74,63	71,61	73,93	76,85	0,064
7-19	1108,20	1072,40	1072,70	1073,60	1052,50	0,995	68,14	64,30	66,24	66,85	66,23	0,983

KLBQ và TTTAHN chỉ bị ảnh hưởng từ 1 - 2 tuần sau tiêm, sau đó phục hồi trở lại và không có khác biệt trong toàn giai đoạn

3. Năng suất sinh sản giai đoạn 20 - 65 tuần tuổi

Bảng 3. Tỷ lệ đẻ và khối lượng trứng trung bình

Tuần tuổi	Tỷ lệ đẻ (%)					Khối lượng trứng trung bình (g)				
	Lô I	Lô II	Lô III	Lô IV	Lô V	Lô I	Lô II	Lô III	Lô IV	Lô V
21-25	46.91	46.64	46.02	42.86	46.48	51.97	50.46	49.93	50.17	50.99
26-30	85.47	88.77	85.82	80.15	88.66	58.38	57.40	56.55	57.94	58.42
31-35	84.98	87.23	83.00	75.63	84.32	60.32	59.36	58.29	59.14	59.61
36-40	85.78	91.09	86.40	90.27	90.75	59.69	58.82	57.21	58.92	59.50
41-45	81.77	86.33	85.27	79.51	84.10	60.22	57.61	57.05	58.78	59.44
46-50	84.75	87.30	87.69	88.95	85.41	60.88	58.05	58.72	60.90	61.03
51-55	90.59	86.20	85.42	81.76	87.81	61.21	58.58	59.93	61.47	61.80
56-60	85.53	70.60	75.72	72.33	80.05	61.37	58.33	59.50	61.80	60.61
61-65	90.07	81.02	84.45	85.41	85.10	61.32	58.97	59.82	61.80	61.17
20-65	81.76	80.58	79.98	77.43	81.41	59.48 ^a	57.51 ^b	57.44 ^b	58.99 ^a	59.17 ^a

Tỷ lệ đẻ không có khác biệt giữa các lô
Khối lượng trứng trung bình tuy có khác nhau giữa các lô nhưng không phải do vaccine gây nên

III. KẾT LUẬN

Chủng ngừa vaccine ảnh hưởng đến KLBQ và TTTAHN của gà trong 1 đến 2 tuần sau tiêm, nhưng sau đó gà đã nhanh chóng hồi phục và tăng trưởng tốt so với lô đối chứng (P> 0.05).

Chủng ngừa vaccine lặp lại có thể được khuyến cáo để bảo vệ tối ưu cho đàn gà đẻ vì thời gian nuôi kéo dài.

Để tối ưu lịch vaccine cho trại chăn nuôi, có thể kết hợp chủng ngừa vaccine IC Quadro và Ornitin Triple khi gà lớn (12 tuần tuổi) để tiết kiệm chi phí và hạn chế tác động gây stress trên gà.

III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Ngọc Xuân Hà và ctv (2019). Hiệu giá kháng thể kháng vi khuẩn *Ornithobacterium Rhinotracheale* và phản ứng tại vị trí tiêm của gà sau khi tiêm vaccine Ornitin triple. Bộ môn Giống Động Vật, Khoa Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Nông Lâm Tp. HCM.
- [2] Anh T. Quach (2020). Evaluation of the post-vaccination responses after a single injection of Ornitin Triple vaccine in three different Vietnam local chicken breeds including Ac, Noi and Tre. The 3rd International Conference on Sustainable Agriculture and Environment, HCM city, Vietnam. 420-424
- [3] Pan, Q., Liu, A., Zhang, F., Ling, Y., Ou, C., Hou, N., & He, C. (2012). Co-infection of broilers with *Ornithobacterium rhinotracheale* and H9N2 avian influenza virus. BMC veterinary research 8(1), 1-7.